TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 06/02/2025

V/v tranh chấp "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy.**

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thanh Phong,** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Quang,** Kiểm sát viên.

Ngày **06** tháng **02** năm **2025**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 136/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 732/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hồng P**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: số A L ấp M, M, TP ., Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Trần Hồng Minh T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ ĐKTT: 383/1 huyện L, khu phố B, phường I, TP ., Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Tổ A, ấp M, xã M, TP ., Tiền Giang.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn Trần Hồng Minh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P trình bày:*

Chị và anh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, thành phố M cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/12/2019. Trong quá trình sinh sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị, thường xuyên dùng lời lẽ không hay để xúc phạm chị

và gia đình chị, đánh chị, chị có khuyên anh T, nhưng anh T không thay đổi, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà số A L, ấp M, xã M, thành phố M nhưng không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2023 cho đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Kim N, sinh năm 2020. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh ghen tuông, anh đi nhậu về có la vợ, anh chị không có thời gian ly thân, vẫn còn sống chung nhà, sinh hoạt, quan hệ vợ chồng bình thường. Theo yêu cầu của chị P, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Kim N, sinh năm 2020. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa xem xét về con chung, nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 136/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng P và anh Trần Hồng Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê Kim N, sinh ngày 24/10/2020 cho chị Lê Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Hồng Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Lê Kim N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Hồng Minh T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Hồng Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 18 tháng 9 năm 2024, bị đơn Trần Hồng Minh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hồng Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trần Hồng Minh T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hồng Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Lê Thị Hồng P trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị, thường xuyên dùng lời lẽ không hay để xúc phạm chị và gia đình chị, đánh chị, chị có khuyên anh T, nhưng anh T không thay đổi, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà số A, nhưng không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2023 cho đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Hồng P và anh Trần Hồng Minh T đều trình bày cả hai không có biện pháp nào đoàn tụ, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ, nhưng không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P ly hôn với anh T, là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Kim N, sinh ngày 24/10/2020. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Anh Trần Hồng Minh T không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Bản án sơ thẩm nhận định: cháu Trần Lê Kim N là cháu gái, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và để ổn định cuộc sống, học tập của cháu N, đồng thời, anh T cũng đồng ý giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng, nên bản án sơ thẩm giao con chung cho chị Lê Thị Hồng P và buộc anh Trần Hồng Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, là phù hợp Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Hồng Minh T kháng cáo không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đưa ra được phương án thiết thực để vợ chồng hàn gắn tình cảm, thuyết phục chị Lê Thị Hồng P rút đơn khởi kiện. Chị Lê Thị Hồng P kiên quyết yêu cầu

được ly hôn với anh T, không đồng ý đoàn tụ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hồng Minh T.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ.

[5] Về án phí: Anh Trần Hồng Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hồng Minh T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 136/2024/HNGĐ-ST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Trần Hồng Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Kim N, sinh ngày 24/10/2020 cho chị Lê Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Hồng Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Lê Kim N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Hồng Minh T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Hồng Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Hồng Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006617 ngày 18/9/2024, nên xem như nộp xong án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Chị Lê Thị Hồng P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005860 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như nộp xong án phí.

Anh Trần Hồng Minh T phải nộp 300.000 đồng dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

HNPT-2025-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm